TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số*:* **74**/2024/HC-ST
Ngày: 13 – 5 – 2024
V/v kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Thế Hoà

2. Bà Bùi Thị Kim Nga

***Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Thị Minh Chi – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk*:** Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 248/2023/TLST-HC ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc kiện *"Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST-HC ngày 26/3/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 59/2024/QĐ-HPT ngày 25/4/2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1989 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: 240 N, phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H – Chức vụ: Chủ tịch UBND TP. B. (Vắng mặt)

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Đại T – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Trương Văn C – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất TP. B (Vắng mặt); Ông Võ Quang H – Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất TP. B. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn C – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất TP. B; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện bà Nguyễn Thị T và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện thống nhất trình bày:

Năm 1996 gia đình tôi nhận khoán chăm sóc 01 lô cà phê của Công ty TNHH MTV cà phê B, tổng diện tích đo đạc thực tế là 2.992m^2, thuộc thửa đất số 07, tờ bản đồ 65 tại tổ dân phố 8 phường T1, thành phố B. Thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2020, trong thời gian nhận giao khoán gia đình tôi thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cho Công ty TNHH MTV cà phê B.

Ngày 21/4/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T1, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây Đại học B 5,4 ha) đối với diện tích nhận khoán của gia đình tôi với số tiền là 244.538.943 đồng. Ngày 09/7/2020 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4801/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi nhà nước thu hồi đất thì gia đình tôi chỉ nhận được số tiền 19.753.875 đồng. Tuy nhiên trong 2 Quyết định này đều không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất đối với gia đình tôi nên tôi làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 21/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Bản án số 112/2022/HC-ST, tuyên chấp nhận toàn bộ yêu khởi kiện của gia đình tôi: Hủy một phần quyết định số 3102/QĐ-UBND và hủy một phần Quyết định số 4801/QĐ-UBND của UBND thành phố B. Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất cho gia đình tôi theo quy định pháp luật.

Ngày 03/10/2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5812/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T1 (khu 5,4ha), thành phố B. Tuy nhiên Quyết định này có hai vấn đề gia đình chúng tôi không đồng ý:

- Thứ nhất, về giá đất làm cơ sở để hỗ trợ:

Thời điểm ban hành Quyết định số 5812/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 UBND thành phố B lại áp dụng Bảng tính giá đất quy định tại Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 trong khi văn bản này đã hết hiệu lực thi hành và được thay thế bởi Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 03/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành các loại giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020- 2024 là không đúng quy định pháp luật.

- Thứ hai, về việc hỗ trợ và bổ sung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất:

Quyết định này không phê duyệt kinh phí hỗ trợ ổn định đời sống của gia đình tôi khi nhà nước thu hồi trên 70% diện tích đất là không đúng quy định của pháp luật và không đúng theo Bản án số 112/2022/HC-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Thực hiện việc hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, căn cứ khoản 2, Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì gia đình tôi gồm 7 khẩu, trong đó: 1 hưu trí, 1 cán bộ lực lượng vũ trang, 1 lao động tự do, 1 lao động hợp đồng hàng năm, 1 người trực tiếp sản xuất nông nghiệp, 2 người nhỏ dưới 18 tuổi nhưng UBND thành phố lại tính hệ số 3/7 đối với gia đình tôi là không đúng theo quy định của pháp luật.

Do đó, bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy một phần Quyết định số 5812/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bổ sung và chi phí thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất, đồng thời buộc UBND thành phố Bban hành và phê duyệt phương án bổ sung đầy đủ các nội dung cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi trên 70% diện tích đất đối với gia đình tôi.

2. Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm theo giá đất quy định trong Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk về ban hành bảng giá và quy định bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020-2024. Đồng thời tính hệ số nhân khẩu trong hộ gia đình tôi là 5/7.

Tại bản tự khai của người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện, ông Lê Đại Thắng trình bày:

a. Về nguồn gốc đất:

Đất của hộ bà Nguyễn Thị T hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV cà phê B theo Hợp đồng số 91Đ3/2012/HĐ ngày 29/03/2012 với

diện tích là 2.992m^2 đất trong cà phê, thời hạn hợp đồng từ ngày 29/03/2012 đến 31/12/2020 tại thửa đất số 07, tờ bản đồ số 65, phường T1.

Căn cứ theo điểm đ, khoản 1, Điều 76: Khoản 1, Điều 82, Luật đất đai 2013 "*Các trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm... Đất nhận khoản để sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối....*". Đất bà Nguyễn Thị T đang sử dụng là đất nhận khoán của Công ty TNHH MTV cà phê B nên không đủ điều kiện được bồi thường về đất.

b. Về chính sách hỗ trợ:

Ngày 03/10/2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5812/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T1 (khu 5,4ha) thành phố Buôn Ma Thuột, với tổng kinh phí là 172.314.071 đồng. Hộ bà Nguyễn Thị T đã được phê duyệt bổ sung hỗ trợ số tiền: 172.314.071 đồng.

Việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên Hủy một phần Quyết định số 5812/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T1 (khu 5,4ha) thành phố Buôn Ma Thuột. Buộc UBND thành phố B ban hành và phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi trên 70% diện tích đất; hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là không có cơ sở vì theo khoản 2, Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh quy định: *"Hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh, của công ty nông, lâm nghiệp đang sử dụng đất do nhận giao khoán tại thời điểm thu hồi đất mà đang hưởng lương hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp nhưng trong hộ có nhân khẩu không hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động thôi việc được hưởng trợ cấp; hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc hoặc hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức thì được hỗ trợ bằng tiền như sau.*

$$\textit{Số tiền hỗ trợ} = \frac{\textit{02 (hai) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định}}{\textit{Số nhân khẩu trong hộ}} \times \textit{Số nhân khẩu không hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp} \times \textit{Diện tích đất thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức}$$

giao đất

Căn cứ Sổ hộ khẩu hộ số: 160346273, hồ sơ hộ khẩu số: A-422, ngày cấp 30/10/2013 (cấp lần 2) của hộ bà Nguyễn Thị T (chủ hộ) có tổng số 07 nhân khẩu trong hộ gia đình gồm có 03 thế hệ trong khẩu. Biên bản xác minh hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp ngày 10/03/2020 như sau: Số nhân khẩu được xác minh theo biên bản trong hộ gia đình 04 khẩu, trong đó 03 nhân khẩu thuộc đối tượng hưởng lương thường xuyên gồm: (ông Nguyễn Duy H và các con Nguyễn Thị Kim T1; Nguyễn Duy Thành), và 01 nhân khẩu không thuộc đối tượng hưởng lượng thường xuyên (bà Nguyễn Thị T). Theo đó ngày 03/10/2023 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5812/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T1 (khu 5,4ha) thành phố B cho hộ bà Nguyễn Thị T là đúng theo quy định.

Việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu hủy một phần Quyết định số 5812/QĐ UBND ngày 03/10/2023 của UBND thành phố B phải áp dụng hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk là không có cơ sở vì UBND thành phố B đã ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/04/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T1, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B 5,4ha). Theo đó ngày 03/10/2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5812/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T1 (khu 5,4ha), thành phố B (phê duyệt bổ sung cho Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/04/2020, tại thời điểm đó Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk vẫn còn hiệu lực). Từ những căn cứ trên, đề nghị Toà án bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Xét thấy tại Bản án số 112/2022/HC-ST của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thể hiện bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Toà án buộc UBND thành

phố B hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi trên 70% diện tích đất nên Quyết định số 5812/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND thành phố B không phê duyệt bổ sung nội dung trên là có cơ sở. Mặt khác, thời hiệu khởi kiện đối với Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/04/2020 và 4801/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND thành phố B là đã hết nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi trên 70% của bà T. Xét yêu cầu huỷ một phần Quyết định số 5812/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND thành phố B về đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thì thấy, hộ bà T thuộc trường hợp hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Quyết định số 14 của UBND tỉnh Đắk Lắk và tại thời điểm phê duyệt cũng như Biên bản xác minh ngày 10/3/2020 thể hiện hộ bà T có ông H, bà T1 và ông T là đối tượng hưởng lương thường xuyên; 02 nhân khẩu chưa đủ 18 tuổi; bà H theo sổ hộ khẩu và bảng kê khai thực trạng lao động thì có căn cứ thể hiện bà H là đối tượng hưởng lương thường xuyên. Như vậy, việc UBND thành phố xác định số nhân khẩu được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 3/7 là phù hợp với quy định và đã đảm bảo đúng quyền lợi cho hộ bà T nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này. Về yêu cầu áp dụng giá đất là có cơ sở do khi ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/04/2020 thì UBND thành phố đã không phê duyệt phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với gia đình bà T nên khi phê duyệt bổ sung khoản hỗ trợ này thì phải áp dụng giá đất theo quy định hiện hành mới đảm bảo quyền lợi cho hộ bà T. Từ những phân tích trên, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 193 và khoản 2 Điều 165 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc huỷ một phần Quyết định số 5812/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND thành phố Buôn Ma Thuột, buộc UBND thành phố B áp dụng giá đất theo Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 03/7/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk khi hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ bà T; bác yêu cầu về việc buộc UBND thành phố B tính lại số nhân khẩu là 5/7 khi phê duyệt lại phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm; đình chỉ việc giải quyết đối vớiyêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi trên 70% diện tích đất đối với gia đình bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của các

bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên huỷ một phần Quyết định số 5812/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND thành phố B (Sau đây viết tắt là Quyết định số 5812) về việc phê duyệt phương án bổ sung và chi phí thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 03/10/2023, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 5812/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung và chi phí thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ bà Nguyễn Thị T. Không đồng ý với Quyết định số 5812/QĐ-UBND nên ngày 10/11/2023, bà T làm đơn khởi kiện đến Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đồng thời cam kết không khiếu nại đến các cơ quan có thẩm quyền khác. Như vậy, thời điểm bà Nguyễn Thị T nộp đơn khởi kiện là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi trên 70% diện tích đất đối với gia đình bà Nguyễn Thị T:

Ngày 21/4/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND (Sau đây viết tắt là Quyết định số 3102) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T1, thành phố B. Ngày 09/7/2020 UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4801/QĐ-UBND (Sau đây viết tắt là Quyết định số 4801) về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi nhà nước thu hồi đất. Theo các Quyết định trên, gia đình bà T đã nhận được tổng cộng 264.292.818 đồng tiền bồi thường, hỗ trợ.

Tuy nhiên, bà T nhận thấy mình chưa bồi thường, hỗ trợ thoả đáng nên ngày 09/5/2021 bà T đã có đơn khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tuyên huỷ một phần các quyết định trên và buộc UBND thành phố B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, trong đó hỗ trợ về đất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định sản xuất đối với gia đình bà T. Ngày 21/9/2022, Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Bản án số 112/2022/HC-ST với

nội dung chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi ngành nghề, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định sản xuất; không chấp nhận yêu cầu hỗ trợ về đất.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án nêu trên, bà T không có yêu cầu Toà án giải quyết về hỗ trợ ổn định đời sống đối với gia đình bà và sau khi xét xử sơ thẩm, bà T cũng không có kháng cáo về nội dung này nên không có cơ sở để buộc UBND thành phố B ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường và bổ sung khoản hỗ trợ ổn định đời sống cho hộ bà T theo quyết định tại Bản án trên. Mặt khác, Quyết định số 3102 được ban hành ngày 21/4/2020 và Quyết định số 44801 được ban hành ngày 09/7/2020 nhưng đến ngày 10/11/2023 bà T mới làm đơn khởi kiện yêu cầu UBND thành phố B hỗ trợ ổn định đời sống cho gia đình bà là đã quá thời hiệu khởi kiện đối với hai Quyết định trên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143 và khoản 2 Điều 165 Luật Tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi trên 70% diện tích đất đối với gia đình bà T.

[2.2] Về yêu cầu áp dụng giá đất theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk để hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và tính hệ số nhân khẩu trong hộ bà T là 5/7:

Năm 2020, UBND thành phố B tiến hành thu hồi diện tích 2,992m^2 đất của hộ bà T, đồng thời ban hành Quyết định số 3102 ngày 21/4/2020 và Quyết định số 4801 ngày 09/7/2020 về việc phê duyệt và phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đối với hộ bà T. Như vậy, thời điểm phát sinh quyền được bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất của hộ bà T là ngày 21/4/2020.

Tuy nhiên, UBND thành phố B đã không thực hiện hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ bà T theo quy định là không đảm bảo đúng quyền lợi cho hộ bà T. Hơn nữa, tại thời điểm ban hành Quyết định số 5812 ngày 13/10/2023 thì Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định về bảng giá đất đang có hiệu lực thi hành nên cần được áp dụng để làm căn cứ hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ bà Nguyễn Thị T. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc UBND thành phố B áp dụng Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk để hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là có cơ sở nên được chấp nhận.

Theo Phiếu kê khai thực trạng lao động nghề nghiệp và tổng diện tích đất của hộ gia đình đang sử dụng, Sổ hộ khẩu do người khởi kiện cung cấp, Biên bản về việc xác minh hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp và Biên bản làm việc ngày 22/4/2024 thể hiện tại thời điểm Nhà nước ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thì hộ bà T gồm 07 nhân khẩu, trong đó có bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất, ông Nguyễn Duy H là hưu trí, bà Nguyễn Thị Kim T1 là lao động tự do, ông Nguyễn Duy T là công an, bà Nguyễn Thị Thuý H là nhân viên hợp đồng và 02 cháu nhỏ sinh năm 2016, 2019. Căn cứ khoản 2 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 và Công văn số 4310/UBND-TNMT ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì ông H, ông Thành là đối tượng hưởng lương hưu, lương từ ngân sách nhà nước. Mặc dù, tại thời điểm thu hồi đất thì bà T1 là lao động tự do và bà H là nhân viên hợp đồng không đóng bảo hiểm xã hội nhưng xét thấy bà T1, bà H, cháu Q, cháu K không phải là người trực tiếp sản xuất trên đất nông nghiệp và không bị ảnh hưởng về việc làm bởi quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND thành phố B nên bà T1, bà H, cháu Q, cháu K không thuộc trường hợp được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm. Do vậy, chỉ có bà Nguyễn Thị T là nhân khẩu được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Tuy nhiên, việc UBND thành phố B đã xác định hộ bà T có 03 nhân khẩu thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là có lợi cho hộ bà T. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu tính hệ số nhân khẩu được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 5/7 của bà Nguyễn Thị T.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165 Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:

- Huỷ một phần Quyết định số 5812/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bổ sung và chi phí thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với nội dung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ bà Nguyễn Thị T.

- Buộc UBND thành phố B ban hành lại phương án mới bổ sung khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ bà Nguyễn Thị T áp dụng Bảng giá đất theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về buộc UBND thành phố B hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi trên 70% diện tích đất đối với gia đình bà Nguyễn Thị T.

[3] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về xác định hệ số nhân khẩu là 5/7 khi UBND thành phố B ban hành lại phương án mới bổ sung khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ bà Nguyễn Thị T.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Huyền